

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/ COLUSA – MILIKET /2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET
Địa chỉ: 1230 Kha Vạn Cân – Phường Linh Trung – Thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 37201423 – (84.28) 38966835

Fax: (84.28) 38960013

E – mail: colusa@comifood.com – miliket@comifood.com

Mã số doanh nghiệp: 0304517551

Sản phẩm được sản xuất tại: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket đã có chứng nhận FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **MÌ TRỘN RONG BIỂN**

2. Thành phần:

Vất mì: Bột mì, shortening, tinh bột khoai tây (100 g/kg), tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (kali carbonat (501(i)), natri dihydro phosphat (339(i)), tetranatri diphosphat (450(iii)), pentanatri triphosphat (451(i)), natri polyphosphat (452(i)), gôm gua (412)), đường, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621)), chất tạo xốp (natri carbonat (500(i))), phẩm màu tự nhiên (beta – caroten (chiết xuất từ thực vật) (160a(ii)), curcumin (100(i))), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

Các gói gia vị: Dầu cọ tinh luyện, gia vị (hành tây, hành baro, tiêu), tương ớt Hàn Quốc, đường, nước, xì dầu đặc biệt, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621), dinatri 5' - guanylat (627), dinatri 5' - inosinat (631)), tương ớt đậm vị, đạm thực vật thủy phân từ đậu nành, cải đỏ sấy, rong biển sấy (10 g/kg), giả thịt (protein từ lúa mì, bột lúa mì, chất điều chỉnh độ axit (450(iii), 500(i)), chất chống oxy hóa (307b)), tương đậu Hàn Quốc, dầu hào chay, hương nấm tự nhiên và tổng hợp, bột chiết nấm men, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c(i))), chất bảo quản (kali sorbat (202)), phẩm màu tổng hợp (caramen nhóm IV (150d)), chất chống oxy hóa (BHT (321)), maltodextrin.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất
Ngày sản xuất & Hạn sử dụng in trên nhãn

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

- Khối lượng tịnh: 90 g/tô mì hoặc 1.260 g/túi mì (90 g x 14 vắt) hoặc theo yêu cầu của thị trường và ghi rõ trên nhãn.

- Tô mì được đóng vào thùng 12 tô/thùng, gói mì được đóng vào túi PP (hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng).

4.2. Chất liệu bao bì:

- Gia vị được đóng gói bằng màng PET/MPET/LLDPE (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PE), OPP/PP (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PP).

- Vất mì được đóng gói bằng màng OPP/PP (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PP).

- Gói mì và các gói gia vị được đựng trong tờ giấy Cupstock 240gsm/PE, nắp tờ chất liệu PP, thành mì thành phẩm. Tờ mì được đóng vào thùng carton (hoặc tùy theo yêu cầu của thị trường).
 - 14 gói mì và 28 gói gia vị được đóng vào túi PP (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PP), thành túi mì thành phẩm.
- Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và không độc hại.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa; Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm; Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm – Số: 15/2018/ NĐ-CP.

Nhãn dự thảo công bố (đính kèm).

IV. Yêu cầu an toàn thực phẩm:

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm QCVN 8-1:2011/BYT.
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm QCVN 8-2:2011/BYT.
 - Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30.8.2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
 - Thông tư số 17/2023/TT-BYT 25.09.2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
 - Quy định Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- (Ban hành kèm theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19.12.2007 của Bộ trưởng Bộ y tế).

1. **Chỉ tiêu vi sinh:** Theo Quy định Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm QĐ 46/2007/QĐ-BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
02	Coliforms	CFU/g	10
03	<i>Escherichia Coli</i>	CFU/g	3
04	<i>Staphylococcus Aureus</i>	CFU/g	10
05	<i>Clostridium Perfringens</i>	CFU/g	10
06	<i>Bacillus Cereus</i>	CFU/g	10
07	Tổng số nấm men & nấm mốc	CFU/g	10 ²

2. **Giới hạn độc tố vi nấm:** Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
02	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	4,0
03	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3,0
04	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750
05	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75

3. **Chỉ tiêu hóa lý:** Tham khảo tiêu chuẩn CODEX STAN 249-2006 - TCVN 7879:2008.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Độ ẩm vắt mì	%	10
02	Chỉ số axit của vắt mì	mg KOH/g	2,0

4. **Giới hạn kim loại nặng:** Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
02	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1

5. **Dao động thành phần dinh dưỡng:**

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Giá trị năng lượng	kcal/90 g	276 – 512
02	Chất đạm	g/90 g	5,7 – 10,5
03	Carbohydrat	g/90 g	34,4 – 63,8
04	Đường tổng số	g/90 g	2,9 – 5,5
05	Chất béo	g/90 g	12,9 – 23,9
06	Chất béo bão hòa	g/90 g	6,4 – 11,8
07	Natri	mg/90 g	813 – 1.509

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hoàng Ngân

MÌ TRỘN RONG BIỂN

Khối lượng tịnh: 90 g

THÀNH PHẦN

Vật mì: Bột mì, shortening, tinh bột khoai tây (100 g/kg), tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (kali carbonat (501(i)), natri dihydro phosphat (339(i)), tetranatri diphosphat (450(iii)), pentanatri triphosphat (451(i)), natri polyphosphat (452(i)), gôm gua (412)), đường, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621)), chất tạo xốp (natri carbonat (500(i))), phẩm màu tự nhiên (beta – caroten (chiết xuất từ thực vật) (160a(ii)), curcumin (100(i))), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

Các gói gia vị: Dầu cọ tinh luyện, gia vị (hành tây, hành baro, tiêu), tương ớt Hàn Quốc, đường, nước, xì dầu đặc biệt, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621), dinatri 5' - guanylat (627), dinatri 5' - inosinat (631)), tương ớt đậm vị, đạm thực vật thủy phân từ đậu nành, cải đỏ sấy, rong biển sấy (10 g/kg), giả thịt (protein từ lúa mì, bột lúa mì, chất điều chỉnh độ axit (450(iii), 500(i)), chất chống oxy hóa (307b)), tương đậu Hàn Quốc, dầu hào chay, hương nấm tự nhiên và tổng hợp, bột chiết nấm men, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c(i))), chất bảo quản (kali sorbat (202)), phẩm màu tổng hợp (caramen nhóm IV (150d)), chất chống oxy hóa (BHT (321)), maltodextrin.

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG TRONG 1 TÔ 90 g NUTRITION INGREDIENTS PER 1 BOWL 90 g	
Năng lượng / Energy	394 kcal
Chất đạm / Protein	8,1 g
Carbohydrat / Carbohydrate	49,1 g
Đường tổng số / Total sugars	4,2 g
Chất béo / Total fat	18,4 g
Chất béo bão hòa / Saturated fat	9,1 g
Natri / Sodium	1.161 mg

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cho vật mì, gói rau sấy vào tô, chế vào khoảng 400 ml nước thật sôi vàậy kín tô trong khoảng 4 phút. Chắt thật hết nước mì trong tô ra qua các lỗ trên nắp tô. Mở nắp, cho các gói sốt gia vị còn lại vào trộn đều là dùng được ngay.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

Đề nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất hoặc sản phẩm có mùi mạnh. Nên sử dụng ngay sau khi mở bao bì.

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.

Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng: Xem dưới đáy tô.

Sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET

1230 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 37201423 - (84.28) 38966835

- Fax: (84.28) 38960013

Email: colusa@comifood.com - miliket@comifood.com

- Website: www.comifood.com

MÌ TRỘN RONG BIỂN

Khối lượng tịnh: 1.260 g

THÀNH PHẦN

Vất mì: Bột mì, shortening, tinh bột khoai tây (100 g/kg), tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (kali carbonat (501(i)), natri dihydro phosphat (339(i)), tetranatri diphosphat (450(iii)), pentanatri triphosphat (451(i)), natri polyphosphat (452(i)), gồm gua (412)), đường, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621)), chất tạo xốp (natri carbonat (500(i))), phẩm màu tự nhiên (beta – caroten (chiết xuất từ thực vật) (160a(ii)), curcumin (100(i))), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

Các gói gia vị: Dầu cọ tinh luyện, gia vị (hành tây, hành baro, tiêu), tương ớt Hàn Quốc, đường, nước, xì dầu đặc biệt, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621), dinatri 5' - guanylat (627), dinatri 5' - inosinat (631)), tương ớt đậm vị, đậm thực vật thủy phân từ đậu nành, cải đỏ sấy, rong biển sấy (10 g/kg), giả thịt (protein từ lúa mì, bột lúa mì, chất điều chỉnh độ axit (450(iii), 500(i)), chất chống oxy hóa (307b)), tương đậu Hàn Quốc, dầu hào chay, hương nấm tự nhiên và tổng hợp, bột chiết nấm men, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c(i))), chất bảo quản (kali sorbat (202)), phẩm màu tổng hợp (caramen nhóm IV (150d)), chất chống oxy hóa (BHT (321)), maltodextrin.

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG TRONG 90 g NUTRITION INGREDIENTS PER 90 g	
Năng lượng / Energy	394 kcal
Chất đạm / Protein	8,1 g
Carbohydrat / Carbohydrate	49,1 g
Đường tổng số / Total sugars	4,2 g
Chất béo / Total fat	18,4 g
Chất béo bão hòa / Saturated fat	9,1 g
Natri / Sodium	1.161 mg

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cho 1 vắt mì và 1 gói rau sấy vào tô, chế vào khoảng 400 ml nước thật sôi vàậy kín tô trong khoảng 4 phút. Vớt ra để ráo, rồi cho mì và các gói sốt gia vị còn lại vào đĩa trộn đều là dùng được ngay.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

Đề nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất hoặc sản phẩm có mùi mạnh. Nên sử dụng ngay sau khi mở bao bì.

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.

Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET

1230 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 37201423 - (84.28) 38966835

- Fax: (84.28) 38960013

Email: colusa@comifood.com - miliket@comifood.com

- Website: www.comifood.com



SGS

Report N°: 0000401978

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 04, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 04/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2312A-3065
Đơn hàng: 2312A-3065

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH
Địa chỉ : CITY
1230 KHA VAN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : MÌ TRỘN RONG BIỂN
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Noodles (approx. 0.948kg) in full label paper boxes
Mô tả mẫu : Mì (khoảng 0.948kg) chứa trong hộp giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2312A-3065.001
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : December 27, 2023
Ngày nhận mẫu : 27/12/2023

Testing period : December 27, 2023 - January 04, 2024
Thời gian thử nghiệm : 27/12/2023 - 04/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000401978

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Crude protein Đạm thô	ISO 1871: 2009	9.48	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Ash Tro	NMKL No.173	4.01	0.02	0.06	g/100g	
3. Moisture (70 °C) Độ ẩm (70°C)	LFOD-TST-SOP-8203	8.10	0.2	0.64	g/100g	
4. Total fat Béo tổng	LFOD-TST-SOP-8249 (With acid hydrolysis)	17.51	0.15	0.5	g/100g	
5. Total carbohydrate Cacbonhydrat tổng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)	60.90	-	-	g/100g	
6. Acid insoluble ash Tro không tan trong axit	LFOD-TST-SOP-8244	Not Detected Không phát hiện	0.03	0.1	g/100g	
7. Sodium Chloride NaCl (calculated from chloride) Natri Clorua (tính từ clorua)	LFOD-TST-SOP-8124	2.76	0.007	0.02	g/100g	
8. Ethylene oxide (sum of ethylene oxide and 2-chloroethanol, expressed as ethylene oxide) Ethylene oxide (tổng của ethylene oxide và 2-chloroethanol, quy về ethylene oxide)	LFOD-TST-SOP-8609	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	mg/kg	
9. 2-Chloroethanol 2-Chloroethanol	LFOD-TST-SOP-8609	Not Detected Không phát hiện	0.003	0.01	mg/kg	
10. Ethylene oxide Ethylene oxide	LFOD-TST-SOP-8609	Not Detected Không phát hiện	0.003	0.01	mg/kg	
11. Deoxynivalenol Deoxynivalenol	LFOD-TST-SOP-8456	39	3	10	µg/kg	
12. Zearalenone Zearalenone	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	1	3	µg/kg	
13. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vnThis document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237

SGS

Report N°: 0000401978

Page N° 3/4

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
14. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
15. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
16. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
17. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
18. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
19. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	0.026	-	0.01	mg/kg	
20. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	0.021	-	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCs, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCs, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- Ethylene oxide (sum of ethylene oxide and 2-chloroethanol, expressed as ethylene oxide) = (1.00 x Ethylene oxide) + (0.55 x 2-Chloroethanol).
Ethylene oxide (tổng ethylene oxide và 2-chloroethanol, quy về ethylene oxide) = (1.00 x Ethylene oxide) + (0.55 x 2-Chloroethanol)
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



SGS

Report N°: 0000401978

Page N° 4/4

of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là $<LOQ$; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều $<LOQ$. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

CHỨNG THỰC BẢN SÁCH ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....
Quyển số.....

Ngày: 15-06-2024

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000402023

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: January 04, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 04/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2312A-3065
Đơn hàng: 2312A-3065

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH
Địa chỉ : CITY
1230 KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : MÌ TRỘN RONG BIỂN
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Noodles (approx. 0.408kg) in plastic bag
Mô tả mẫu : Mì (khoảng 0.408kg) chứa trong túi nhựa

Sample ID : 2312A-3065.002
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : December 27, 2023
Ngày nhận mẫu : 27/12/2023

Testing period : December 27, 2023 - January 04, 2024
Thời gian thử nghiệm : 27/12/2023 - 04/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000402023

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Moisture (105°C) Độ ẩm	TCVN 7879:2008 (CODEX STAN 249:2006)	2.44	0.1	0.32	g/100g	
2. Acid value (on fat basis) Chỉ số axit (trên nền béo)	TCVN 7879:2008 (CODEX STAN 249:2006)	0.42	0.09	0.29	mgKOH/g	
3. Peroxide value (on fat basis) Chỉ số peroxit (trên nền béo)	GB 5009.227-2016	2.43	0.35	1.2	meq/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (*) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (*) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000402023

Page N° 3/3

Hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- The tests were performed on noodles only
Phương pháp thử chỉ được thực hiện trên phần vắt mì

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

CHỨNG THỰC BẢN SƠ DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....
Quyển số.....

Ngày: 15-06-2024



Chạch Hồng Chinh

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000402025

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: January 04, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 04/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2312A-3065
Đơn hàng: 2312A-3065

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH CITY
Địa chỉ : 1230 KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : MÌ TRỘN RONG BIỀN
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Noodles (approx. 0.695kg) in full label paper boxes
Mô tả mẫu : Mì (khoảng 0.695kg) chứa trong hộp giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2312A-3065.003
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : December 27, 2023
Ngày nhận mẫu : 27/12/2023

Testing period : December 27, 2023 - January 04, 2024
Thời gian thử nghiệm : 27/12/2023 - 04/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



VILAS 237

SGS

Report N°: 0000402025

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	1.2x10 ⁵	-	10	cfu/g	
2. Bacillus cereus Bacillus cereus	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	
3. Clostridium perfringens Clostridium perfringens	ISO 7937:2004	<10	-	10	cfu/g	
4. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
5. E. coli E. coli	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
6. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
7. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
 Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.



SGS

Report N°: 0000402025

Page N° 3/3

analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu

không có thông báo đặc biệt khác

CHỨNG THỰC LÀM SẠO DỰNG VÀ BAN CHỈNH

Số chứng thực... 0.05052 *** END OF THE REPORT ***

Quyển số: [redacted] - SGS

Ngày: 15-06-2024

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

Lâm Văn Xự

TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH



Lâm Văn Xự

Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000425047

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 30, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 30/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2401A-2565
Đơn hàng: 2401A-2565

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH CITY
Địa chỉ : 1230 KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Mì trộn Rong biển
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 0.241kg) in 02 full labeled plastic containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.241kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2401A-2565.003
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : January 24, 2024
Ngày nhận mẫu : 24/01/2024

Testing period : January 24, 2024 - January 30, 2024
Thời gian thử nghiệm : 24/01/2024 - 30/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



SGS

Report N°: 0000425047

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	2.5x10 ³	-	10	cfu/g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000425047

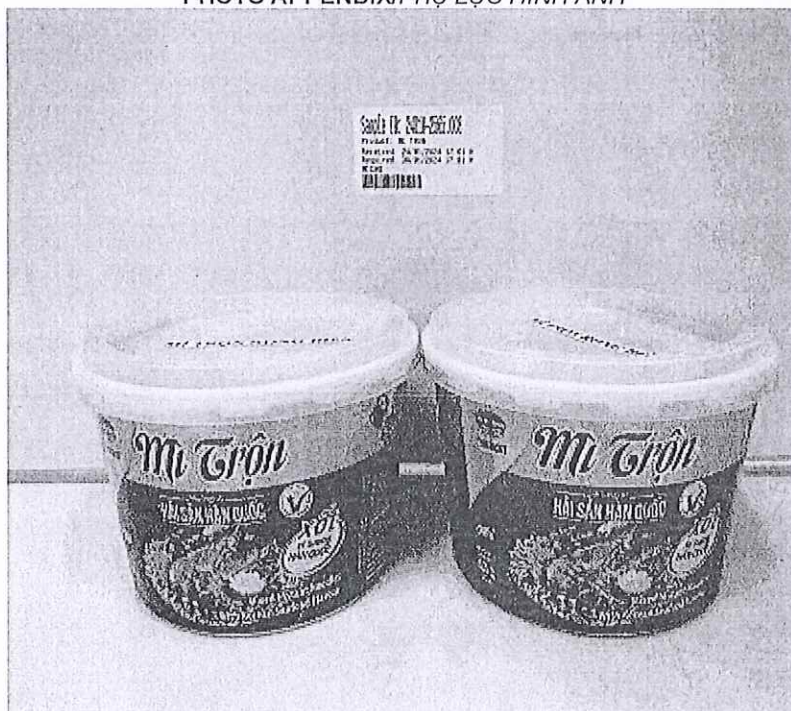
Page N° 3/4

yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000425047

Page N° 4/4

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



CHỨNG THỰC LÀM SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 005052

Quyển số... 00000

Ngày: 15-06-2024

Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH



Chạch Hồng Chính

HỒ CHÍ MINH

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.

KT3-03578ATP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2024
Page 01/03

1. Tên mẫu : MÌ TRỘN RONG BIỂN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu còn nguyên tô.
As received sample is whole bowl.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 23/05/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 23/05/2024 - 29/05/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
Customer COLUSA - MILIKET
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-03578ATP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



29/05/2024
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 g • kJ/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	438 1833
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		-	9,02
7.3. Hàm lượng carbohydrate ⁽¹⁾ , g/100 g Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022		-	54,6
7.4. Hàm lượng đường tổng số ⁽²⁾ , g/100 g Total sugar content	QTTN/KT3 096 : 2017		-	4,61
7.5. Hàm lượng béo, g/100 g Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		-	20,4
7.6. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g Saturated fat content	AOAC 2019 (996.06)		-	10,1
7.7. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23))	-		1290

Ghi chú/ Note: (1): Carbohydrat không bao gồm chất xơ / Carbohydrate not include fiber

(2): Hàm lượng đường tổng số / Total sugar content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose).

Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03578ATP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



29/05/2024
Page 03/03

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)
Nutrition Facts (as client's requirement)
Thông tư số 29/2023/TT-BYT

Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)		
Thành phần dinh dưỡng trong 90 g (Nutrition facts per 90 g)		
		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	394 kcal	19,7 %
Protein	8,12 g	16,2 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	49,1 g	15,1 %
Đường tổng số (Total sugars)	4,15 g	
Chất béo (Total Fat)	18,4 g	32,9 %
Chất béo bão hòa (Saturated fat)	9,09 g	45,5 %
Natri (Sodium)	1161 mg	58,1 %

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-03578ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/06/2024

Page 01/03

1. Tên mẫu : MÌ TRỘN RONG BIỂN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu còn nguyên tô.
As received sample is whole bowl.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 23/05/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 23/05/2024 - 29/05/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
Customer COLUSA - MILIKET
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-03578ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

06/06/2024
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 g • kJ/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	438 1833
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		-	9,02
7.3. Hàm lượng carbohydrate ⁽¹⁾ , g/100 g Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022		-	54,6
7.4. Hàm lượng đường tổng số ⁽²⁾ , g/100 g Total sugar content	QTTN/KT3 096 : 2017		-	4,61
7.5. Hàm lượng béo, g/100 g Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		-	20,4
7.6. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g Saturated fat content	AOAC 2019 (996.06)		-	10,1
7.7. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23))	-		1290

Ghi chú/ Note: (1): Carbohydrat không bao gồm chất xơ / Carbohydrate not include fiber

(2): Hàm lượng đường tổng số / Total sugar content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose).

Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03578ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/06/2024
Page 03/03

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)

Nutrition Facts (as client's requirement)

Thông tư số 29/2023/TT-BYT

Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)

Thành phần dinh dưỡng trong 100 g (Nutrition facts per 100 g)

		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	438 kcal	21,9 %
Protein	9,02 g	18,0 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	54,6 g	16,8 %
Đường tổng số (Total sugars)	4,61 g	
Chất béo (Total Fat)	20,4 g	36,4 %
Chất béo bão hòa (Saturated fat)	10,1 g	50,5 %
Natri (Sodium)	1290 mg	64,5 %



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*